

Số: /2026/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định một số nội dung về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước theo Nghị định số 73/2026/NĐ-CP và Thông tư số 26/2026/TT-BTC trên địa bàn thành phố Hải Phòng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 267/TTr-STC ngày 19 tháng 6 năm 2026;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định quy định một số nội dung về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước theo Nghị định số 73/2026/NĐ-CP và Thông tư số 26/2026/TT-BTC trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định một số nội dung về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP và khoản 4 Điều 12, khoản 3 Điều 13, điểm a và b khoản 3 Điều 15, điểm g và k khoản 2 Điều 18, khoản 5 Điều 20, khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35 Thông tư số 26/2026/TT-BTC.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành thuộc thành phố; tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, đơn vị sự nghiệp công lập và các đơn vị dự toán ngân sách thuộc thành phố.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu; Phòng chuyên môn về tài chính, ngân sách thuộc cấp xã.

3. Cơ quan Kho bạc Nhà nước và các cơ quan, đơn vị có liên quan đến công tác lập, chấp hành dự toán, quyết toán và công khai ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

4. Các cơ quan, đơn vị ở địa phương được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách.

5. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện các nội dung quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Thời gian lập, gửi dự toán ngân sách; báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau

1. Thời gian lập, gửi dự toán ngân sách

a) Các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố lập, gửi dự toán ngân sách năm sau về Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 6 hằng năm.

b) Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu lập, gửi dự toán ngân sách năm sau về Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 6 hằng năm.

c) Đối với đơn vị dự toán trực thuộc đơn vị dự toán cấp I.

Đơn vị dự toán cấp I có đơn vị dự toán trực thuộc quy định thời gian gửi báo cáo dự toán ngân sách đối với đơn vị dự toán trực thuộc nhưng phải đảm bảo thời gian đủ để đơn vị dự toán cấp I tổng hợp dự toán gửi về Sở Tài chính theo đúng thời hạn quy định tại điểm a khoản này.

2. Thời gian gửi báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý Quỹ gửi báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các Quỹ về Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 6 hằng năm.

Điều 4. Thời gian lập lại dự toán đối với ngân sách cấp xã

1. Trường hợp dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp xã chưa được Hội đồng nhân dân các xã, phường, đặc khu quyết định, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu lập lại dự toán đối với nội dung chưa được quyết định, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng phải bảo đảm việc quyết định dự toán hoàn thành trước ngày 25 tháng 12.

2. Trường hợp Ủy ban nhân dân thành phố giao dự toán thu, chi ngân sách năm sau cho các xã, phường và đặc khu chậm hơn thời hạn quy định tại khoản 7 Điều 46 của Luật Ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu trình dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp xã chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày được giao dự toán để Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

Trường hợp chưa được Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu lập lại dự toán đối với nội dung chưa được quyết định, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng phải bảo đảm việc quyết định dự toán hoàn thành trước ngày 28 tháng 12.

Điều 5. Tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I

Đơn vị dự toán cấp I gửi Sở Tài chính (đối với cấp tỉnh) hoặc Phòng chuyên môn về tài chính, ngân sách (đối với cấp xã) các tài liệu báo cáo thuyết

minh căn cứ phân bổ, giao dự toán, gồm:

1. Các mẫu biểu dùng cho đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp theo các mẫu biểu từ số 37 đến số 46 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC.

2. Bảng tổng hợp chương trình, dự án, đề án, chủ trương, kế hoạch, nhiệm vụ và dự toán kinh phí, chủ trương và dự kiến kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt và văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung khác (nếu có điều chỉnh, bổ sung) so với khi lập dự toán và các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Điều 6. Nguyên tắc và mức rút dự toán chi bổ sung cân đối và bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã

1. Đối với chi bổ sung cân đối ngân sách từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã: mức rút tối đa hàng tháng về nguyên tắc không vượt quá 1/12 tổng mức bổ sung cân đối ngân sách cả năm; riêng các tháng trong quý I, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương, mức rút dự toán có thể cao hơn, nhưng mức rút 01 tháng không vượt quá 12% dự toán năm và bảo đảm tổng mức rút quý I không vượt quá 30% dự toán năm.

Trường hợp đặc biệt cần tăng tiến độ rút dự toán, Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Tài chính) xem xét, quyết định.

2. Đối với chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã: căn cứ chế độ, tiến độ, khối lượng thực hiện của từng chương trình, dự án, nhiệm vụ và mức tạm ứng theo quy định, Phòng chuyên môn về tài chính, ngân sách thuộc cấp xã thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước, mức rút tối đa bằng dự toán giao cho từng chương trình, dự án, nhiệm vụ.

Trường hợp rút dự toán nhưng sử dụng không đúng mục tiêu hoặc không sử dụng hết, thì phải hoàn trả cho ngân sách cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2026/TT-BTC.

Điều 7. Thời hạn và mẫu biểu gửi báo cáo kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp mình năm trước

Trước ngày 05 tháng 3 hằng năm, Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu báo cáo Sở Tài chính kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán Hội đồng nhân dân thành phố giao và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp mình năm trước theo mẫu biểu số 01 kèm theo Quyết định này.

Điều 8. Thời hạn và mẫu biểu báo cáo thực hiện thu, chi ngân sách địa phương; báo cáo về tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên theo quy định của pháp luật

1. Báo cáo về thực hiện thu, chi ngân sách nhà nước

a) Phòng chuyên môn về tài chính, ngân sách thuộc cấp xã thực hiện báo cáo định kỳ hằng quý gửi Ủy ban nhân dân cùng cấp và Sở Tài chính trước ngày 04 tháng đầu tiên của quý sau về thực hiện thu, chi ngân sách địa phương theo mẫu biểu số 02, 03 kèm theo Quyết định này.

b) Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp tỉnh định kỳ hằng quý báo cáo Sở Tài chính trước ngày 04 tháng đầu tiên của quý sau về thực hiện thu, chi ngân sách theo mẫu biểu số 04 kèm theo Quyết định này.

c) Sở Tài chính thực hiện báo cáo định kỳ hằng quý gửi Ủy ban nhân dân thành phố trước ngày 06 tháng đầu tiên của quý sau về thực hiện thu, chi ngân sách địa phương theo mẫu biểu số 02, 03 kèm theo Quyết định này.

2. Báo cáo về tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên theo quy định của pháp luật

a) Phòng chuyên môn về tài chính, ngân sách thuộc cấp xã thực hiện báo cáo định kỳ hằng quý gửi Sở Tài chính trước ngày 04 tháng đầu tiên của quý sau về tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách cấp xã theo mẫu biểu số 05 kèm theo Quyết định này.

b) Sở Tài chính thực hiện báo cáo định kỳ hằng quý gửi Bộ Tài chính trước ngày 06 tháng đầu tiên của quý sau về tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương theo mẫu biểu số 06 kèm theo Quyết định này.

Điều 9. Thời hạn gửi báo cáo quyết toán ngân sách

1. Đối với đơn vị dự toán cấp I

a) Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp tỉnh gửi báo cáo quyết toán về Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 3 năm sau.

b) Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp xã gửi báo cáo quyết toán về Phòng chuyên môn về tài chính, ngân sách thuộc cấp xã trước ngày 15 tháng 02 năm sau.

2. Đối với đơn vị dự toán trực thuộc

Đơn vị dự toán cấp I có đơn vị dự toán trực thuộc quy định thời gian gửi báo cáo quyết toán đối với đơn vị dự toán trực thuộc, nhưng phải đảm bảo thời gian đủ để đơn vị dự toán cấp I xét duyệt quyết toán; đồng thời, tổng hợp để gửi báo cáo quyết toán về cơ quan tài chính theo đúng thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách gửi báo cáo quyết toán về Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 3 năm sau.

Điều 10. Báo cáo công khai ngân sách của đơn vị dự toán ngân sách ở địa phương và của Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu

1. Đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu báo cáo Sở Tài chính về số liệu, tài liệu công khai ngân sách của cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ. Thời gian gửi báo cáo cùng thời điểm thực hiện công khai ngân sách theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Đối với đơn vị dự toán trực thuộc

Đơn vị dự toán cấp I có đơn vị dự toán trực thuộc quy định thời hạn thực hiện báo cáo công khai đối với đơn vị dự toán trực thuộc, nhưng phải đảm bảo

thời gian đủ để đơn vị dự toán cấp I tổng hợp để gửi báo cáo công khai ngân sách về cơ quan tài chính theo đúng thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực III, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương có ý kiến về Sở Tài chính để hướng dẫn thực hiện theo thẩm quyền hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để xử lý theo quy định (*trường hợp vượt thẩm quyền*).

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2026.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế./.

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục KTVB và TC THPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND thành phố;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, PCVP UBND TP;
- Công báo Hải Phòng, Cổng TTĐT TP;
- Báo và phát thanh, truyền hình HP;
- Lưu: VT, TC, P.T.T.Hồng.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Quân